TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-4-2020.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.
Bà Trương Thị Thìn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2479/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19^{A}/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/03/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1987.
Nơi cư trú: nhà không số, tổ 56, khu phố 4B, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1979.
Nơi cư trú: 66/68 tổ 9, khu phố 4B, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2007, quyển 02 ngày 07/03/2007.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh N không tôn trọng vợ, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khiến cuộc sống gia đình nặng nề. Nay chị làm đơn này yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Lê Bá T, sinh ngày 19/03/2008 và Lê Thị Thiên A, sinh ngày 31/8/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (cụ thể 1.000.000 đồng/01 con/tháng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 19/12/2019, chị Hồ Thị L thay đổi ý kiến về việc đồng ý giao cháu Lê Bá T cho anh Lê Văn N nuôi dưỡng và tạm thời không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Các ý kiến khác chị vẫn giữ nguyên.

Sau đó, ngày 25/02/2020 chị Hồ Thị L tiếp tục thay đổi ý kiến về việc có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tạm thời không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Lê Văn N đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh N tham gia các buổi làm việc, phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh N để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị L thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh N không còn quan tâm đến chị L, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Hồ Thị L, anh Lê Văn N có 02 con chung tên Lê Bá T, sinh ngày 19/03/2008 và Lê Thị Thiên A, sinh ngày 31/8/2015. Khi ly

hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thiên A và cháu Lê Bá T, không yêu cầu anh Lê Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị L, giao cháu Lê Bá T và cháu Lê Thị Thiên A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh N không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu nuôi con. Về yêu cầu cấp dưỡng do chị Hồ Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn N, đồng thời qua xác minh anh Lê Văn N có đăng ký tạm trú và sinh sống tại 66/68 tổ 9, khu phố 4B, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Lê Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tống đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được. Đồng thời, anh N cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và chị L cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị L và anh Lê Văn N có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2007, quyển 02 ngày 07/03/2007 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Hồ Thị L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không tôn trọng vợ, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khiến cuộc sống gia đình nặng nề. Do đó, chị làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Lê Văn N thì Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh N để làm việc, hòa giải đoàn tụ, cũng như để anh N có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị L nhưng anh N không lên Tòa để làm việc, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ anh N không còn quan tâm đến chị L, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2019, thì ông Nguyễn Thành H là công chức tư pháp phường D xác định vợ chồng anh N, chị L trong quá trình chung sống không báo chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị L, anh N có đã có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Hồ Thị L, anh Lê Văn N có 02 con chung tên Lê Bá T, sinh ngày 19/03/2008 và Lê Thị Thiên A, sinh ngày 31/8/2015. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thiên A và cháu Lê Bá T, không yêu cầu anh Lê Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì anh Lê Văn N đều đã nhận được văn bản của Tòa án yêu cầu anh N có ý kiến về việc giải quyết con chung nhưng anh N không có văn bản trả lời, cũng như cung cấp điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Bên cạnh đó, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và các cháu vẫn phát triển bình thường. Mặc dù tại Bản tự khai ngày 20/12/2019, cháu Lê Bá T cũng có nguyện vọng được sống với anh N nhưng do anh N không có ý kiến, không cung cấp điều kiện nuôi con nên không có cơ sở giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của các cháu, cần giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng thì do chị Hồ Thị L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Bá T, sinh ngày 19/03/2008 và Lê Thị Thiên A, sinh ngày 31/8/2015 cho chị Hồ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008833 ngày 15/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Hồ Thị L đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị L, anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (01);
- Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Anh Đức